

Số: *106* /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày *25* tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH
Phân loại đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 461/SNV-XDCQ&TCBC ngày 25/3/2020 (sau khi đã thống nhất với các sở, ngành, đơn vị và địa phương liên quan), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phân loại đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiến hành đánh giá các tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù đối với 13 đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh (gồm 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện) nhằm xác định loại đơn vị hành chính theo đúng quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, thống kê, đánh giá theo các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính cấp huyện phải được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

b) Các số liệu làm cơ sở đánh giá phải được thống kê chính xác, thống nhất, khách quan, trung thực. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm về số liệu tổng hợp, đánh giá, báo cáo, thẩm định thuộc lĩnh vực ngành, cấp mình theo dõi, quản lý.

II. NỘI DUNG

1. Rà soát, thống kê thực trạng đơn vị hành chính cấp huyện theo các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính cấp huyện

- a) Quy mô dân số;
- b) Diện tích tự nhiên;
- c) Số đơn vị hành chính trực thuộc;
- d) Trình độ phát triển kinh tế - xã hội;
- đ) Các yếu tố đặc thù.

2. Tiêu chuẩn phân loại, cách tính điểm và kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp huyện

a) Đối với huyện: Thực hiện theo Điều 13 và Điều 23 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

b) Đối với thành phố: Thực hiện theo Điều 17 và Điều 23 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

c) Đối với thị xã: Thực hiện theo Điều 18 và Điều 23 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

3. Số liệu đánh giá tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính cấp huyện

Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đơn vị hành chính phải tính đến ngày 31/12/2019 và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp hoặc công bố. Riêng tiêu chuẩn thu, chi ngân sách địa phương được tính bình quân 03 năm 2017, 2018 và 2019 (lưu ý: Không đưa phần cân đối từ ngân sách cấp trên vào tổng thu ngân sách).

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THỜI GIAN

Quy trình, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13:

1. UBND cấp huyện lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình HĐND cùng cấp xem xét, thông qua; hoàn thiện hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Điều 25 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, trình Sở Nội vụ thẩm định.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **04/4/2020**.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại do UBND cấp huyện gửi đến.

- Sở Nội vụ tổng hợp số liệu theo từng lĩnh vực, gửi văn bản xin ý kiến thẩm định của các sở, ngành cấp tỉnh liên quan trước ngày **05/4/2020**;

- Các sở, ngành cấp tỉnh thẩm định, đánh giá và cho điểm theo từng tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, quản lý; gửi văn bản thẩm định về Sở Nội vụ trước ngày **08/4/2020** để tổng hợp.

3. Sở Nội vụ tổng hợp kết quả thẩm định; hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **10/4/2020**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ:

a) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm đúng quy định và tiến độ thời gian thực hiện;

b) Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn số đơn vị hành chính trực thuộc theo Biểu số 3-SNV;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định kết quả phân loại đơn vị hành chính do UBND cấp huyện đề nghị; tổng hợp kết quả phân loại; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Các sở, ngành cấp tỉnh liên quan:

Thẩm định, đánh giá và cho điểm theo từng tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, quản lý, cụ thể:

a) Cục Thống kê tỉnh: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn quy mô dân số theo Biểu số 1-CTK và tiêu chuẩn tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất theo Biểu số 5-CTK;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn diện tích tự nhiên theo Biểu số 2-STNMT;

c) Sở Tài chính: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn cân đối thu, chi ngân sách theo Biểu số 4-STC;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn tỷ lệ lao động qua đào tạo theo Biểu số 6-SLĐTBXH và tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp theo Biểu số 7-SLĐTBXH;

- Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo theo Biểu số 8-SLĐTBXH.

đ) Sở Y tế: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Biểu số 9-SYT;

e) Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn tỷ lệ hộ dân cư được dùng nước sạch theo Biểu số 10-CTCNHT;

g) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: Thẩm định, đánh giá và chấm điểm tiêu chuẩn tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Biểu số 11-VPNTM.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm yêu cầu và tiến độ thời gian thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để được hướng dẫn, xem xét giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức, VP - Tỉnh ủy;
- Sở: Nội vụ, Tài chính, TN và MT, Y tế, Lao động - TB&XH;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Công ty Cổ phần cấp nước HT;
- Huyện, Thành, Thị ủy;
- UBND các huyện, TP, thị xã;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, NC₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tiến Hưng

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN QUY MÔ DÂN SỐ
CỦA CỤC THỐNG KÊ TỈNH**

Biểu số 1 - CTK

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA CỤC THỐNG KÊ TỈNH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Quy mô dân số (người)	Điểm	Quy mô dân số (người)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Khoản 1 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Biểu số 2 - STNMT

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Diện tích tự nhiên (km ²)	Điểm	Diện tích tự nhiên (km ²)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC
CỦA SỞ NỘI VỤ**

Biểu số 3 - SNV

Điểm số 3 - BN77

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG				KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ NỘI VỤ				TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (đơn vị)		Tỷ lệ số đơn vị hành chính đô thị/số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (%)		Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (đơn vị)		Tỷ lệ số đơn vị hành chính đô thị/số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (%)		
		Số liệu	Điểm	Số liệu	Điểm	Số liệu	Điểm	Số liệu	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh									
2	Huyện Kỳ Anh									
3	Huyện Cẩm Xuyên									
4	Thành phố Hà Tĩnh									
...									

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Khoản 3 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN CÂN ĐỐI ĐƯỢC THU, CHI NGÂN SÁCH
CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

Biểu số 4 - STC

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ cân đối thu, chi ngân sách (%)	Điểm	Tỷ lệ cân đối thu, chi ngân sách (%)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Điểm a Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm a Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN TỶ TRỌNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRONG TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA CỤC THỐNG KÊ TỈNH

Biểu số 5 - SKHĐT

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA CỤC THỐNG KÊ TỈNH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất (%)	Điểm	Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng và thương mại dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất (%)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Điểm b Khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Điểm b Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm b Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN TỶ LỆ LAO ĐỘNG QUA ĐÀO TẠO
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Biểu số 6- SLD

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Điểm	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Điểm d Khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Điểm d Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm d Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN TỶ LỆ LAO ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Biểu số 7- SLĐ

STT	THÀNH PHỐ, THỊ XÃ	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	Điểm	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	Điểm	
1	Thành phố Hà Tĩnh					
2	Thị xã Kỳ Anh					
3	Thị xã Hồng Lĩnh					

Danh sách gồm có 3 đơn vị hành chính đô thị: 01 thành phố và 02 thị xã.

Quy định tham chiếu:

- Thành phố: Điểm c Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm c Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN TỶ LỆ HỘ NGHÈO
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Biểu số 8- SLĐ

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Điểm	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Điểm e Khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Điểm g Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm g Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN TỶ LỆ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRỰC THUỘC
ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ CỦA SỞ Y TẾ**

Biểu số 9 – SYT

STT	ĐVHC CẤP HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA SỞ Y TẾ		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	Điểm	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	Điểm	
1	Thị xã Kỳ Anh					
2	Huyện Kỳ Anh					
3	Huyện Cẩm Xuyên					
4	Thành phố Hà Tĩnh					
...					

Danh sách gồm có 13 đơn vị hành chính cấp huyện: 01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện

Quy định tham chiếu:

- Huyện: Điểm đ Khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thành phố: Điểm đ Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm đ Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN TỶ LỆ HỘ DÂN CƯ ĐƯỢC DÙNG NƯỚC SẠCH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC HÀ TỈNH**

Biểu số 10 - CTCNHT

STT	THÀNH PHỐ, THỊ XÃ	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC HÀ TỈNH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ hộ dân cư được dùng nước sạch (%)	Điểm	Tỷ lệ hộ dân cư được dùng nước sạch (%)	Điểm	
1	Thành phố Hà Tĩnh					
2	Thị xã Kỳ Anh					
3	Thị xã Hồng Lĩnh					

Danh sách gồm có 03 đơn vị hành chính đô thị: 01 thành phố và 02 thị xã.

Quy định tham chiếu:

- Thành phố: Điểm e Khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;
- Thị xã: Điểm e Khoản 4 Điều 18 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐẠT CHUẨN TỶ LỆ SỐ XÃ TRỰC THUỘC ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
CỦA VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH**

Biểu số 11 - VPNTM

STT	HUYỆN	SỐ LIỆU VÀ ĐIỂM PHÂN LOẠI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH		TĂNG/GIẢM, LÝ DO
		Tỷ lệ số xã trực thuộc đạt chuẩn nông thôn mới (%)	Điểm	Tỷ lệ số xã trực thuộc đạt chuẩn nông thôn mới (%)	Điểm	
1	Huyện Kỳ Anh					
2	Huyện Cẩm Xuyên					
3	Huyện Thạch Hà					
...					

Danh sách gồm có 10 đơn vị hành chính nông thôn (huyện)

Quy định tham chiếu: Điểm c Khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.